

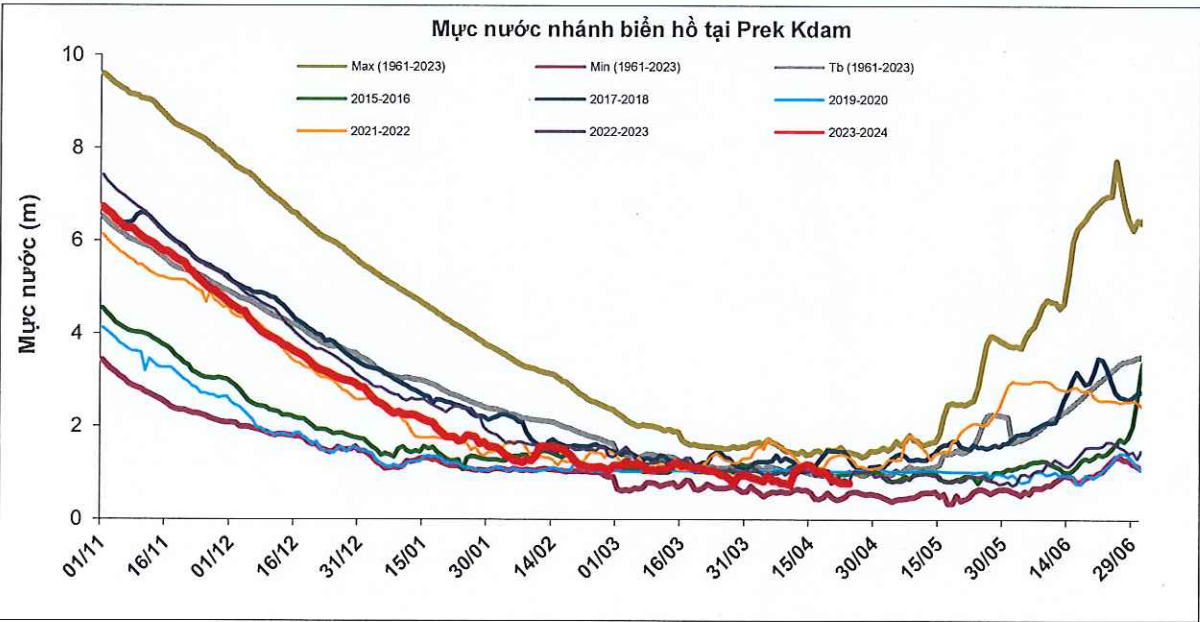
BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
MÙA KIẾT NĂM 2023-2024
(Tuần từ 26/04/2024 – 02/05/2024)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước trên nhánh sông chảy vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 24/4 ở cao trình 0,78 m, thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2023 khoảng 0,24m và 0,05m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ (Nguồn: MRC)

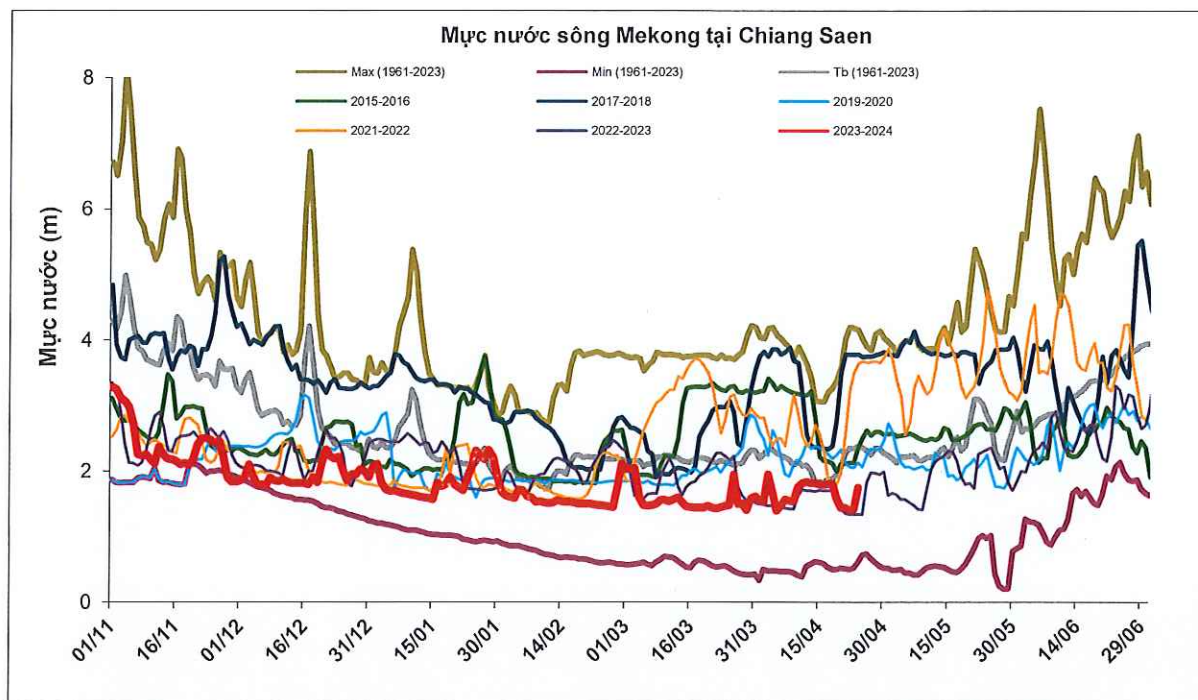
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: So sánh mực nước* các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

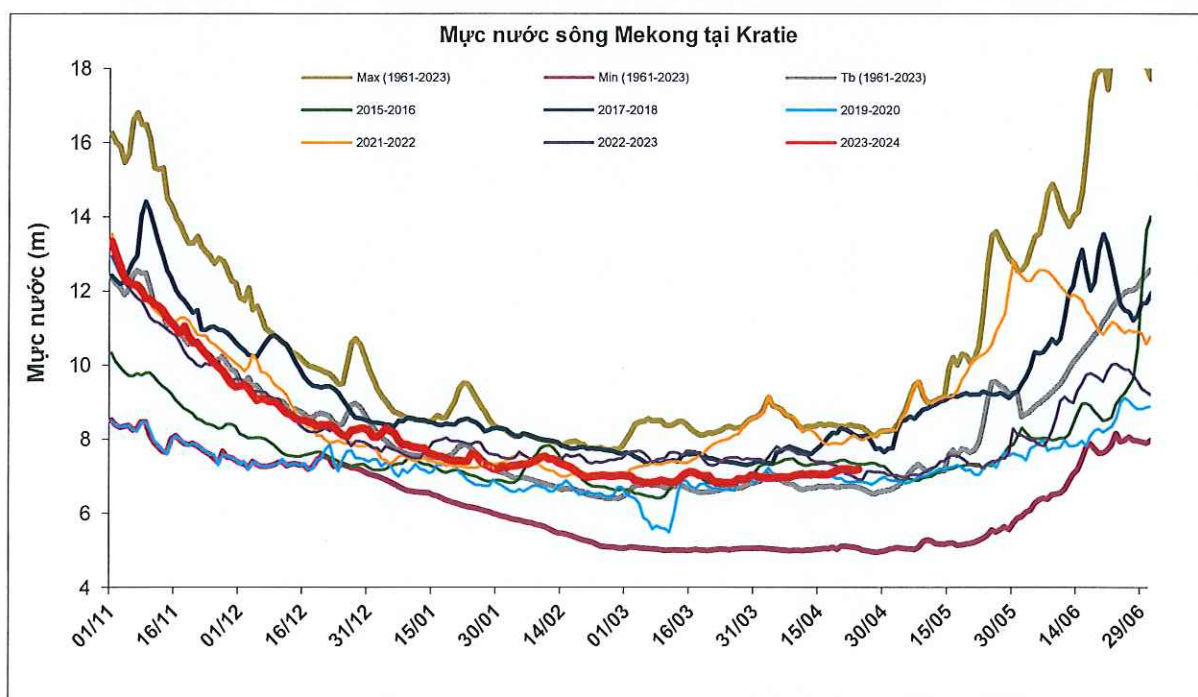
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 24/4/2024	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m ³) so với một số năm cùng thời điểm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
			Năm TB	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2017-2018	2015-2016
Chiang Saen*	m	1,75	-0,63	+0,41	-1,89	-0,38	-2,03	-0,61
Kratie*	m	7,19	+0,48	+0,27	-0,83	+0,33	-0,89	-0,13
Prekdam*	m	0,78	-0,24	-0,05	-0,56	-0,25	-0,55	-0,20
Dung tích hồ	Tỷ m ³	1,18	-0,53	-0,02	-0,92	-0,17	-0,68	-0,04

Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-/+) là thấp/cao hơn
(Nguồn: MRC)

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 24/4/2024 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan (Nguồn: MRC)



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie (Nguồn: MRC)

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 24/4/2024	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
		TB (2010-2022)	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2015-16
Tân Châu	1,04	-0,08	-0,06	-0,24	-0,07	-0,15	+0,02
Châu Đốc	1,24	+0,01	-0,02	-0,22	-0,04	+0,02	+0,10
Mỹ Thuận	1,08	-0,01	0,00	-0,01	-0,19	+0,12	+0,09
Cần Thơ	1,20	+0,08	+0,03	0,00	-0,09	+0,22	+0,09

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công phụ thuộc khá lớn vào lưu lượng điều tiết từ các hồ chứa thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến 07 giờ ngày 24/4/2024, mực nước tại Kratie ở mức 7,19 m. Mực nước hiện tại cao hơn mực nước mùa khô TBNN; 2019-2020; 2022-2023 lần lượt là 0,48 m; 0,33 m và 0,27 m. Tuy nhiên, thấp hơn mực nước mùa khô các năm 2015-2016; 2017-2018; 2021-2022 lần lượt là 0,13 m; 0,89 m và 0,83 m.

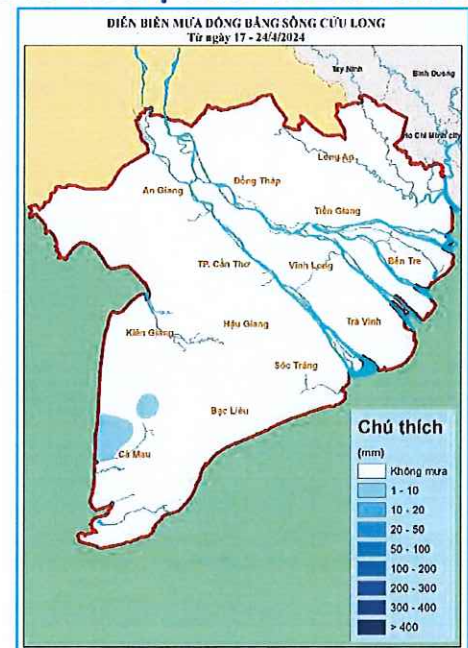
- Tại Biển Hồ: Hồ hiện chuyển sang giai đoạn tích nước. Dung tích Biển Hồ hiện tại còn khoảng 1,18 tỷ m³. Hiện tại dung tích Hồ thấp hơn dung tích mùa khô 2015-2016; 2017-2018; 2019-2020; 2021-2022; 2022-2023; TBNN lần lượt khoảng 0,04 tỷ m³; 0,68 tỷ m³; 0,17 tỷ m³; 0,92 tỷ m³; 0,02 tỷ m³ và 0,53 tỷ m³ so với cùng thời điểm.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 24/4/2024 đạt lần lượt là 1,04 m và 1,24 m. Dự báo xu thế mực nước lớn nhất đầu nguồn ĐBSCL sẽ tăng trong tuần dự báo.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 17/4 đến 24/4/2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long hầu như không xuất hiện mưa trái mùa (Hình 4).



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên vùng ĐBSCL (từ ngày 17/04 đến 24/4/2024)

Dự báo tuần tới có khả năng xuất hiện mưa nhỏ ở vùng Ven biển Tây (khu vực tỉnh Cà Mau và Kiên Giang) với vũ lượng khoảng 5 mm.

Theo dự báo cập nhật Tháng 4 của Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ (CPC) và Viện Nghiên cứu quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI), từ tháng 4 đến tháng 6/ 2024 khả năng cao sẽ chuyển từ điều kiện El Niño sang trạng thái ENSO trung tính (65%). Các điều kiện ENSO trung tính còn chiếm ưu thế giai đoạn tháng 5-tháng 7 và tháng 6-tháng 8/2024. Dự báo, khả năng xuất hiện La Niña và ENSO trung tính gần như ngang nhau trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9/2024. La Niña trở thành loại có khả năng xảy ra cao ở giai đoạn tháng 8-tháng 10/2024.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 18/04/2024 - 25/04/2024 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ

lưu dao động trong khoảng từ 643 m³/s đến 1.198 m³/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết còn 9,45 tỷ m³, tương đương với 39,8% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa trên toàn lưu vực Mê Công còn 36,9%, tương đương với khoảng 23,9 tỷ m³ dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024.

Hiện dòng chảy về đồng bằng phụ thuộc nhiều vào vận hành thủy điện. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng mùa kiệt 2023-2024 tại Bảng 3.

Bảng 3: So sánh lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2023-2024 với một số năm

Tháng	Qkratie (m ³ /s)	So với một số năm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn						
		Năm TB	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2016-17	2015-16
Th.3/2024	2.793	+320	-868	-1.078	+649	-751	-1.598	+209
Dự báo Th.04/2024	3.020	+471	-401	-1.844	+153	-1.112	-1.635	-389
Dự báo Th.05/2024	3.385	-842	-15	-4.337	+246	-2.585	-3.426	+143

Dòng chảy về Đồng bằng xuống thấp ở các tháng đầu mùa kiệt, mặn đã xuất hiện sớm ở các vùng cửa sông trong tháng 1/2024. Tháng 3, đỉnh mặn 4 g/l trên các cửa sông chính Cửu Long vào sâu nhất 50-65 km. Trong tuần dự báo mặn có xu thế giảm và xuống thấp nhất giai đoạn từ 30/4-3/5, mặn cách biển 35-50 km, là cơ hội tốt để chủ động gạn ngọt và tích trữ nước cho các vùng ven biển để ứng phó với đợt mặn dự báo cao vào kỳ 7/5-10/5 ở mức 45-58 km trước khi mưa về và mặn giảm vào nửa cuối tháng 5. Dự báo nguồn nước trong tuần như sau:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ mực nước thấp hơn trung bình nhiều năm có khó khăn hơn cho bơm tưới.

- Vùng giữa và khu vực ven Biển Đông ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Trong tháng 3, mặn đạt đỉnh vào kỳ 10/3-13/3 với ranh mặn 4 g/l vào sâu 50-65 km. Tháng 4 mặn đạt đỉnh vào kỳ 9-11/4, với ranh mặn 4g/l vào sâu 48-63 km. Trong tuần dự báo, mặn có xu thế giảm đến hết tuần dự báo. Ranh mặn 4 g/l thấp nhất cách biển 35-50 km vào kỳ 30/4 đến 3/5, các địa phương vùng ven biển ở Bến Tre, Tiền Giang cần giám sát mặn chặt chẽ để tranh thủ gạn ngọt khi nước về. Các khu vực cách biển hơn 40 km ven sông Hậu và Cỏ Chiên thuộc Trà Vinh và Sóc Trăng, vẫn có nhiều cơ hội về nguồn nước trong tuần dự báo.

- Khu vực ảnh hưởng mặn sông Cái Lớn, Cái Bé thuộc các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang. Mặn 4 g/l đã vào sâu nhất 50-57 km. Diện tích sản xuất vụ hè thu tăng làm tăng nhu cầu nước trong vùng có thể làm mặn vào sâu, cần vận hành hợp lý hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé để kiểm soát mặn trong vùng. Trong tuần dự báo, từ 26/4-30/4 mặn có xu thế tăng rồi sau đó giảm nhẹ đến cuối tuần dự báo, các địa phương ở Hậu Giang vận hành hợp lý các công trình đảm bảo nước cho sản xuất.

Trong tuần dự báo từ 26/04 đến 02/05/2024, khu vực ven Biển Đông dự báo mặn có xu thế giảm và kéo dài đến hết tuần dự báo, chiều sâu xâm nhập mặn 4 g/l

khi thấp nhất cách cửa sông 35 – 50 km. Các địa phương ven biển vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, tranh thủ lấy nước khi có thể để chủ động thích ứng với kỳ mặn cao trở lại ở kỳ 7/5-10/5.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2023-2024

Nguồn nước về Đồng bằng thuộc nhóm năm ít nước, ảnh hưởng của El Niño, mặn xâm nhập năm 2024 ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Trong điều kiện nắng nóng, dòng chảy thượng nguồn về thấp, dự báo mặn còn lên cao ở nửa đầu tháng 5.

Hiện nay tổng diện tích đã xuống giống vụ Hè Thu tính đến 19/4 là 645.325 ha, tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Long An, Vĩnh Long và Tiền Giang. Bắt đầu có thêm các tỉnh ven biển như Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu. Chú ý, Tháng 4 còn là cao điểm hạn mặn năm nay, vì vậy các địa phương, đặc biệt khu vực ven biển, nên cân nhắc việc giãn sản xuất một số diện tích vụ Hè Thu trong năm này để góp phần giảm nhu cầu nước và hạn chế xâm nhập mặn vào sâu vùng cửa sông ven biển. Tháng 5 và tháng 6 dự báo mưa về, nước bớt căng thẳng, việc xuống giống sẽ đem lại hiệu quả hơn cho sản xuất nông nghiệp trên toàn đồng bằng. Thêm vào đó, các địa phương cần chủ động các giải pháp ứng phó phòng chống hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: khó khăn chủ yếu ở vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn, cần thực hiện các giải pháp tưới nước tiết kiệm.
- Vùng giữa ĐBSCL: Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích trữ nước, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả. Tích trữ nước ngay khi có thể khi có cơ hội bằng bơm trữ, gạn triều lấy ngọt chủ động thích ứng với hạn mặn các kỳ cao điểm.
- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển như hệ thống Long Phú-Tiếp Nhật, Gò Công, Bắc Bến Tre, vùng ven biển Trà Vinh. Cần hạn chế tiêu thoát, tưới tiết kiệm nước để chủ động thích ứng với hạn mặn cao có thể kéo dài đến nửa đầu tháng 5. Tranh thủ gạn ngọt trong kỳ từ 29/4 đến 3/5. Lưu ý, các khu vực ven sông Hậu và Cổ Chiên cách biển hơn 45km vẫn có cơ hội về nguồn nước có thể bố trí sản xuất vụ hè thu.

Dự báo El Nino sẽ giảm, trạng thái ENSO nghiêng về pha trung tính từ giai đoạn tháng 4 - tháng 6 (65%). La Nina trở nên trội từ giai đoạn tháng 8 - tháng 10 trở đi. Vì vậy, các địa phương chủ động các giải pháp ứng phó với thời kỳ hạn mặn cao còn xuất hiện trở lại ở 7/5-10/5 ở các khu vực cửa Sông Tiền, sông Hàm Luông, hai sông Vàm Cỏ và vùng ven sông Cái Lớn, nửa cuối tháng 5 hạn mặn sẽ bớt căng thẳng trên đồng bằng.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2023-2024 thuộc nhóm năm ít nước, xâm nhập mặn đến sớm và sâu hơn trung bình nhiều năm. Đến nay đã qua các thời kỳ mặn cao điểm nhất đã xảy ra ở nửa đầu tháng 3 và đầu tháng 4, còn đợt mặn mức độ vừa vào đầu tháng 5 từ 7/5-10/5.

Ngày 10/4/2024 Bộ NN&PTNT ra văn bản số 2605/BNN-TL về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 11/CT-TTg ngày 1/4/2024 về tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Các

địa phương tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp theo chỉ đạo của Chính phủ và của Bộ NN&PTNT, chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm ở điều kiện như dự báo, theo dõi cập nhật các bản tin dự báo. *2*

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



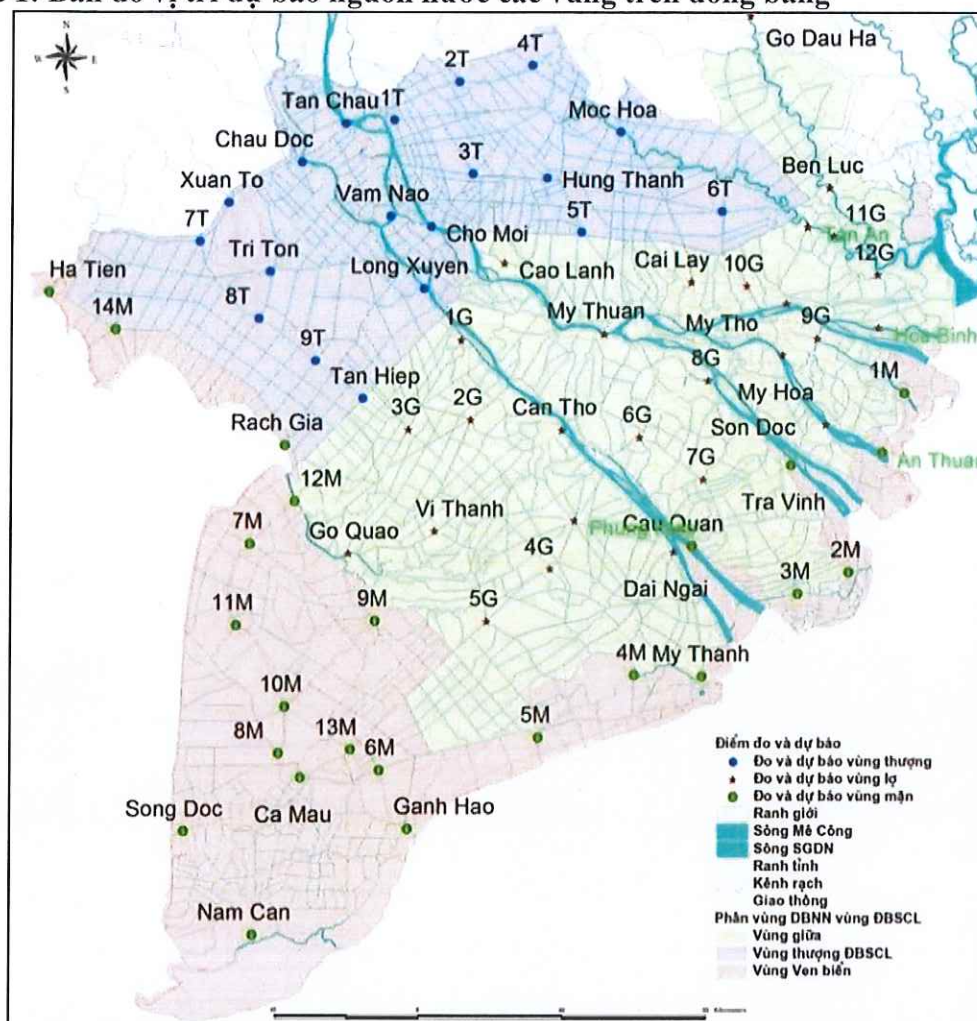
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Phú Quỳnh

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng



Phụ lục 2: Cập nhật dự báo mực nước lớn nhất (m) các Vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	0,96	1,00	1,04	1,06	1,08	1,07	1,06	0,99
2	2T	0,51	0,54	0,56	0,59	0,62	0,65	0,68	0,67
3	3T	0,83	0,87	0,90	0,93	0,97	1,01	1,04	1,02
4	4T	0,37	0,38	0,39	0,40	0,42	0,44	0,46	0,47
5	5T	0,91	0,94	0,96	0,98	1,01	1,04	1,03	1,03
6	6T	0,49	0,52	0,53	0,55	0,56	0,57	0,56	0,55
7	7T	0,50	0,51	0,52	0,53	0,54	0,55	0,56	0,56
8	8T	0,40	0,42	0,44	0,45	0,46	0,48	0,50	0,50
9	9T	0,31	0,33	0,35	0,37	0,39	0,41	0,43	0,43
10	Châu Đốc	1,29	1,34	1,37	1,39	1,41	1,37	1,36	1,29
11	Chợ Mới	1,29	1,33	1,36	1,39	1,41	1,38	1,26	1,28
12	Hưng Thạnh	0,71	0,73	0,75	0,78	0,80	0,83	0,87	0,86
13	Long Xuyên	1,36	1,41	1,47	1,49	1,49	1,45	1,32	1,26
14	Mộc hóa	0,41	0,43	0,44	0,46	0,48	0,50	0,49	0,49
15	Tân Châu	1,08	1,13	1,16	1,18	1,19	1,16	1,13	1,11
16	Tân Hiệp	0,40	0,42	0,43	0,45	0,47	0,49	0,51	0,51
17	Tri Tôn	0,32	0,34	0,36	0,38	0,39	0,41	0,42	0,42

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05
18	Vàm Nao	1,18	1,23	1,27	1,29	1,31	1,30	1,18	1,18
19	Xuân Tô	0,57	0,59	0,62	0,64	0,65	0,67	0,69	0,67
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,29	1,36	1,39	1,42	1,42	1,38	1,23	1,15
2	2G	0,77	0,80	0,82	0,83	0,86	0,88	0,86	0,84
3	3G	0,39	0,40	0,41	0,42	0,44	0,46	0,49	0,49
4	4G	0,83	0,85	0,87	0,90	0,89	0,87	0,81	0,74
5	5G	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,50	0,52
6	6G	1,21	1,25	1,32	1,31	1,27	1,15	0,96	1,01
7	7G	0,80	0,80	0,80	0,78	0,78	0,75	0,72	0,68
8	8G	1,08	1,14	1,17	1,17	1,14	1,06	0,99	1,04
9	9G	1,15	1,20	1,23	1,27	1,30	1,26	1,12	1,09
10	10G	0,14	0,17	0,18	0,18	0,18	0,13	0,07	0,11
11	11G	0,87	0,89	0,92	0,92	0,88	0,80	0,71	0,76
12	12G	1,08	1,12	1,10	1,10	1,03	0,90	0,88	0,94
13	Bến Lức	1,19	1,24	1,29	1,31	1,30	1,23	1,10	1,08
14	Cai Lậy	1,01	1,03	1,06	1,07	1,05	1,00	0,92	0,95
15	Cần Thơ	1,25	1,33	1,38	1,38	1,37	1,27	1,10	1,11
16	Cao Lãnh	1,30	1,34	1,37	1,41	1,44	1,43	1,33	1,29
17	Đại Ngãi	1,36	1,46	1,48	1,48	1,35	1,20	1,06	1,12
18	Gò Dầu Hạ	0,55	0,59	0,65	0,70	0,74	0,75	0,68	0,57
19	Gò Quao	0,28	0,30	0,32	0,34	0,36	0,36	0,37	0,37
20	Hòa Bình	1,06	1,10	1,07	1,07	1,00	0,89	0,90	0,95
21	Mỹ Hoà	1,05	1,07	1,09	1,10	1,07	0,98	0,95	1,01
22	Mỹ Tho	1,12	1,13	1,10	1,12	1,05	0,93	0,92	0,99
23	Mỹ Thuận	1,11	1,15	1,19	1,21	1,18	1,10	1,00	1,05
24	Phụng Hiệp	1,03	1,09	1,15	1,14	1,12	1,01	0,83	0,87
25	Sơn Đốc	1,27	1,27	1,29	1,27	1,22	1,08	1,05	1,14
26	Tân An	1,29	1,32	1,35	1,36	1,30	1,22	1,14	1,19
27	Vị Thanh	0,39	0,40	0,42	0,42	0,43	0,45	0,46	0,46
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,19	1,24	1,21	1,17	1,11	1,02	1,02	1,07
2	2M	1,30	1,33	1,36	1,35	1,29	1,15	1,08	1,17
3	3M	1,30	1,37	1,40	1,42	1,30	1,15	1,04	1,13
4	4M	1,28	1,36	1,38	1,40	1,27	1,10	0,97	1,05
5	5M	1,33	1,44	1,47	1,46	1,39	1,23	1,07	1,13
6	6M	0,48	0,56	0,61	0,62	0,67	0,65	0,58	0,39
7	7M	0,29	0,30	0,32	0,33	0,35	0,36	0,36	0,36
8	8M	0,57	0,58	0,59	0,60	0,60	0,62	0,63	0,63
9	9M	0,58	0,60	0,61	0,62	0,63	0,65	0,66	0,66
10	10M	0,43	0,44	0,46	0,46	0,47	0,48	0,49	0,50
11	11M	0,39	0,40	0,41	0,42	0,44	0,44	0,45	0,46
12	12M	0,49	0,55	0,60	0,63	0,66	0,69	0,66	0,61
13	13M	0,50	0,50	0,50	0,50	0,51	0,52	0,53	0,54

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05
14	14M	0,14	0,15	0,16	0,17	0,18	0,19	0,19	0,20
15	An Thuận	1,42	1,45	1,45	1,46	1,40	1,27	1,22	1,31
16	Cà Mau	0,66	0,70	0,73	0,76	0,79	0,82	0,82	0,82
17	Cầu Quan	1,38	1,46	1,48	1,51	1,41	1,28	1,08	1,15
18	Gành Hào	1,93	2,00	2,04	2,01	1,96	1,84	1,63	1,66
19	Hà Tiên	0,26	0,28	0,29	0,32	0,34	0,36	0,37	0,36
20	Mỹ Thanh	1,33	1,41	1,47	1,46	1,36	1,17	1,05	1,13
21	Năm Căn	1,32	1,39	1,40	1,43	1,36	1,28	1,13	1,00
22	Rạch Giá	0,16	0,18	0,19	0,22	0,24	0,26	0,27	0,26
23	Sông Đốc	0,70	0,75	0,78	0,81	0,82	0,82	0,80	0,74
24	Trà Vinh	1,34	1,37	1,39	1,41	1,33	1,22	1,18	1,25

Ghi chú:

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo mặn (g/l) trên một số trạm chính vùng ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05
1	Vàm Giồng	8,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	6,3
2	Trà Vinh	6,2	↓	↓	↓	↓	↓	↓	4,5
3	Mỹ Hóa	6,5	↓	↓	↓	↓	↓	↓	5,1
4	Cầu Quan	6,5	↓	↓	↓	↓	↓	↓	5,0
5	Gò Quao*	15,8	↑	↑	↑	↑	17,5	↓	15,5
6	Đại Ngãi	5,7	↓	↓	↓	↓	↓	↓	4,5

Ghi chú:

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
 - ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau
 - ↓ Mặn đang xu thế giảm
 - ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
 - Mặn ít biến động so với ngày trước đó
- Gò Quao*: mặn có thể giảm so với dự báo do vận hành đóng cống Cái Lớn